

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09-8-2019

“*V/v xin ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Thị Huế

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Út - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Cà Mau tham gia phiên toà:
Ông Dương Phi Cát - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 566/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019, về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 558/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phùng Thái N - sinh năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1954 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phùng Thái N trình bày:

Về hôn nhân: Ông N và bà N Thị L tổ chức đám cưới, chung sống với nhau từ năm 1975 tại ấp Bùng Bình 2, xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông, bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Ông N và bà L đã ly thân từ năm 1995, hiện nay mỗi người đã sống một nơi, chỉ còn vợ chồng trên danh nghĩa, giấy tờ. Do đó, ông N yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà N Thị L.

Về con chung: Ông N và bà L có 06 người con chung tên Phùng Hoàng Đ (đã chết); Phùng Hồng N1, sinh năm 1977; Phùng Tuyết D, sinh năm 1979; Phùng Thị N2, sinh năm 1981; Phùng Thanh V, sinh năm 1985; Phùng Thùy N3, sinh năm 1988. Hiện nay các con đã thành niên nên ông N không đặt ra yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Bà L và ông N tổ chức đám cưới, chung sống với nhau từ năm 1975, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông, bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Bà L và ông N đã ly thân và đã sống riêng mỗi người một nơi từ năm 1995 đến nay. Nay ông N xin ly hôn với bà L, bà L đồng ý.

Về con chung: Bà L và ông N có 06 người con chung tên Phùng Hoàng Đ (đã chết); Phùng Hồng N1, sinh năm 1977; Phùng Tuyết D, sinh năm 1979; Phùng Thị N2, sinh năm 1981; Phùng Thanh V, sinh năm 1985; Phùng Thùy N3, sinh năm 1988. Hiện nay các con đã thành niên nên bà L không không đặt ra yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Thái N, cho ông N ly hôn với bà N Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn bà N Thị L xin vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật TTDS, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Hội đồng xét xử thấy: Ông Phùng Thái N và bà Nguyễn Thị L tổ chức đám cưới, chung sống với nhau từ năm 1975. Đến năm 1995 ông bà đã ly thân và sống riêng mỗi người một nơi cho đến nay, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Nay ông N xác định ông và bà L chỉ còn vợ chồng trên giấy tờ, danh nghĩa chứ thật sự hai người đã không còn là vợ chồng từ lâu. Do đó ông N xin ly hôn với bà L, bà L đồng ý. Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù ông N và bà L không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nhưng ông bà có tổ chức đám cưới chung sống với nhau trước ngày 03/01/1987 và có con chung, do đó hôn nhân của ông, bà được xem là hôn nhân thực tế và được pháp luật công nhận. Nay ông N xin ly hôn với bà L, bà L đồng ý. Xét việc ly hôn của ông N, bà L là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Ông N và bà L xác định ông, bà có 06 người con chung. 01 người đã chết, 05 người còn lại đã thành niên, ông N và bà L không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Ông N và bà L xác định ông, bà không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử cũng không đặt ra xem xét.

[5] Nguyên đơn được miễn nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Thái N, cho ông Phùng Thái N ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Phùng Thái N không phải nộp, được miễn nộp.

Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thắm

